

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2011

Số: 14 /2011/TTLT
BTP-BCA-BTC-TANDTC-VKSNDTC

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 74/2009/NĐ - CP ngày 09 tháng 09 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và công chức làm công tác thi hành án dân sự;

Sau khi thống nhất với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Toà án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự như sau:

Điều 1. Chức năng của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 173; khoản 1, khoản 2 Điều 174 Luật Thi hành án dân sự và Điều 13 Nghị định số 74/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2009 của Chính phủ theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp, bao gồm:

1. Chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự trên địa bàn.

2. Chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

1. Xây dựng dự thảo chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân cùng cấp về chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự đối với những trường hợp quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

2. Giúp Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch và ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân về chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi

hành án dân sự đối với những trường hợp quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này.

3. Đề xuất với Ủy ban nhân dân cùng cấp các biện pháp chỉ đạo giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự đối với những trường hợp quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này.

4. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan, tổ chức hữu quan với cơ quan thi hành án dân sự trong việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự đối với những trường hợp quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này.

5. Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra việc thực hiện kết luận của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, ý kiến của Ủy ban nhân dân về chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự đối với những trường hợp quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này.

6. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân và cơ quan có thẩm quyền khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác thi hành án dân sự tại địa phương.

7. Kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có biện pháp xử lý kịp thời đối với những vi phạm pháp luật về thi hành án dân sự.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó trưởng ban, các uỷ viên và Thư ký Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự:

a) Điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự để thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

b) Quyết định nội dung cuộc họp, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

c) Phân công cho Phó trưởng ban và các thành viên trong Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự thực hiện công việc của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

d) Chỉ đạo sự phối hợp hoạt động của các thành viên trong Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự và các cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa phương trong công tác thi hành án dân sự;

đ) Quyết định kiểm tra hoặc cử thành viên trong Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra việc thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân trong công tác thi hành án dân sự ở địa phương;

e) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân về nhiệm vụ được giao.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó trưởng Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự:

a) Thường trực Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, thay mặt Trưởng ban chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự khi Trưởng ban vắng mặt hoặc được Trưởng ban ủy quyền;

b) Giúp Trưởng ban trong việc chỉ đạo hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự và chịu trách nhiệm về những công việc được Trưởng ban giao;

c) Trực tiếp giải quyết các công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, ký các văn bản của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự theo ủy quyền của Trưởng ban trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định biện pháp chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự đối với những trường hợp quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này sau khi có ý kiến kết luận cuộc họp của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

d) Tổ chức các cuộc họp, các buổi làm việc của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, chuẩn bị các điều kiện làm việc cho Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, lập dự toán kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt;

đ) Đôn đốc cơ quan thi hành án dân sự, các cơ quan, tổ chức hữu quan thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cùng cấp về chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự đối với những trường hợp quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các ủy viên Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự:

a) Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

b) Đề xuất biện pháp giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự đối với những trường hợp quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này.

Chịu trách nhiệm về ý kiến của mình trong các cuộc họp Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự; trường hợp vượt quá thẩm quyền quyết định, phải xin ý kiến của thủ trưởng đơn vị và cũng phải chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến đó;

c) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, đơn vị mình, có trách nhiệm chỉ đạo hoặc đề xuất chỉ đạo đối với tập thể, cá nhân thuộc ngành, đơn vị mình phối hợp chặt chẽ với cơ quan thi hành án dân sự theo quyết định của Trưởng Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

d) Cùng tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị mình xem xét, giải quyết các vấn đề có liên quan đến chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự đối với những trường hợp quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này thuộc chức năng quản lý của ngành, đơn vị mình và truyền đạt ý kiến kết luận các

phiên họp của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tới ngành, đơn vị mình để phối hợp thực hiện;

đ) Phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra việc thực hiện chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự đối với những trường hợp quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này theo quyết định của Trưởng Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự phân công.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự:

a) Giúp Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự xây dựng chương trình, kế hoạch chỉ đạo công tác thi hành án dân sự;

b) Theo dõi tiến độ thực hiện chương trình, kế hoạch giúp Ủy ban nhân dân chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự đối với những trường hợp quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này do Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự đề ra và kết quả thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trường hợp có vấn đề phát sinh trong việc tổ chức thực hiện, thì phải kịp thời báo cáo Trưởng ban hoặc Phó trưởng Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự để có biện pháp giải quyết;

c) Đề xuất nội dung cuộc họp và chuẩn bị cuộc họp của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, ghi biên bản các cuộc họp của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

d) Gửi chương trình, kế hoạch, văn bản về ý kiến hoặc quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp về biện pháp chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự đối với những trường hợp quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này đến các thành viên trong Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan biết để thực hiện;

đ) Chuẩn bị văn bản báo cáo để Trưởng ban hoặc Phó trưởng ban ký trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định biện pháp chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự đối với những trường hợp quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này tại địa phương sau khi có kết luận của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

e) Tổng hợp tình hình, xây dựng dự thảo báo cáo kết quả thực hiện chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự đối với những trường hợp quy định tại Điều 1 của Thông tư liên tịch này và báo cáo hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự trình Trưởng ban xem xét ban hành;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự phân công.

Điều 4. Thành lập Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh) trên cơ sở đề nghị của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự.

2. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện) trên cơ sở đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự.

3. Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục số I và Phụ lục số II của Thông tư liên tịch này.

Điều 5. Thành phần Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

1. Thành phần Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh gồm có:

- a) Chủ tịch hoặc 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Trưởng ban;
- b) Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự - Phó trưởng ban;
- c) Các ủy viên gồm: Đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an cấp tỉnh.

Mời đại diện lãnh đạo Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh tham gia họp Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh;

d) Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể mời đại diện một hoặc một số cơ quan, tổ chức liên quan ở cấp tỉnh làm ủy viên Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, như: Sở Nội vụ, Sở Xây dựng hoặc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông và Vận tải, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh và các cơ quan liên quan khác;

đ) Thư ký Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh là 01 công chức của Cục Thi hành án dân sự.

2. Thành phần Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện gồm có:

- a) Chủ tịch hoặc 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện - Trưởng ban;
- b) Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự - Phó trưởng ban;
- c) Các ủy viên gồm: Đại diện lãnh đạo Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Công an cấp huyện.

Mời đại diện lãnh đạo Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và Mặt trận Tổ quốc cấp huyện tham gia họp Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện;

d) Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể mời đại diện các cơ quan, tổ chức liên quan ở cấp huyện làm ủy viên Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự huyện, như: Phòng Nội vụ, Phòng Xây dựng hoặc Phòng Quản lý đô thị, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Thông tin và Truyền thông, Bảo hiểm xã hội, Ban Chỉ huy quân sự, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện và các cơ quan liên quan khác;

đ) Thư ký Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện là 01 công chức của Chi cục Thi hành án dân sự.

3. Trưởng ban, Phó trưởng ban, các ủy viên và Thư ký Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự (gọi chung là thành viên Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự) làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm cá nhân trước Trưởng Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự về nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn chỉ đạo công tác thi hành án dân sự đúng chức năng, kịp thời, theo quy định của pháp luật.

2. Tôn trọng hoạt động nghiệp vụ của cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Phát huy vai trò phối hợp của các cấp, các ngành trong hoạt động chỉ đạo công tác thi hành án dân sự trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn.

Điều 7. Chế độ làm việc của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

1. Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự làm việc theo chế độ tập thể. Trong các cuộc họp của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, các vấn đề được đưa ra thảo luận, bàn bạc tập thể, sau đó Trưởng Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự kết luận; trường hợp có ý kiến khác nhau phải được ghi vào biên bản cuộc họp để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét cho ý kiến giải quyết. Tài liệu cuộc họp phải được gửi cho các thành viên Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự trước 03 ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp. Thành viên vắng mặt phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung vụ việc cưỡng chế thi hành án dân sự mà Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự sẽ thảo luận để Thư ký Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự báo cáo tại cuộc họp.

Kết luận của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự phải thể hiện ý kiến của các thành viên tham dự cuộc họp, do Trưởng ban hoặc người được Trưởng ban ủy quyền ký.

2. Trong quá trình thực hiện kết luận, nếu có vấn đề phát sinh, Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tổ chức họp lại để phân tích và đánh giá, đưa ra các đề xuất nhằm giải quyết vấn đề đó.

3. Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự họp định kỳ mỗi quý một lần, họp đột xuất theo yêu cầu của Trưởng ban hoặc đề nghị của Phó trưởng ban.

4. Các thành viên tham gia vào các hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự và thực hiện nhiệm vụ được Trưởng Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự phân công.

Điều 8. Chế độ thông tin, báo cáo của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

1. Chương trình, kế hoạch chỉ đạo công tác thi hành án dân sự và ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cùng cấp phải được gửi đến các thành viên Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, các cơ quan, tổ chức hữu quan biết để thực hiện.

2. Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp theo từng vụ việc cưỡng chế thi hành án dân sự; báo cáo định kỳ quý, sáu tháng và hàng năm với Ủy ban nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh (đối với Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện); báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp (đối với Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh). Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 9. Quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

1. Quan hệ công tác giữa Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự với các cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa phương:

a) Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc chỉ đạo, điều hành hoạt động, phối hợp các cơ quan, tổ chức hữu quan với cơ quan thi hành án dân sự trong công tác thi hành án dân sự;

b) Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa phương để phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thi hành án dân sự;

c) Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn, trả lời ý kiến thỉnh thị của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện. Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp huyện thực hiện ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh; nếu có vướng mắc, khó khăn phải kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh.

2. Quan hệ công tác giữa Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự với cơ quan thi hành án dân sự:

a) Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự kịp thời tổ chức cuộc họp để bàn biện pháp chỉ đạo việc phối hợp và tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp;

b) Cơ quan Thi hành án dân sự chủ động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp trong chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự trên địa bàn và chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương theo quy định tại khoản 6 Điều 14 và khoản 6 Điều 16 Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thì kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự để tham mưu giúp Ủy ban nhân dân chỉ đạo giải quyết.

Điều 10. Lấy số văn bản và sử dụng con dấu

Văn bản của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự được lấy số và sử dụng con dấu theo quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

Điều 11. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự

1. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự do ngân sách địa phương bảo đảm, được cấp qua cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp.

Hàng năm, cơ quan thi hành án dân sự lập dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp chung vào dự toán ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để được xem xét phê duyệt theo quy định về ngân sách nhà nước.

2. Thành viên Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự được hưởng chế độ bồi dưỡng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định và chế độ bồi dưỡng cưỡng chế thi hành án dân sự khi tham gia cưỡng chế thi hành án dân sự.

Mức chi và nguồn chi bồi dưỡng cưỡng chế thi hành án dân sự cho thành viên Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật về chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2011.

2. Các Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự được thành lập và hoạt động theo Quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện ban hành kèm theo Quyết định số 96/2002/QĐ-BTP ngày 22 tháng 03 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp tiếp tục hoạt động, nhưng phải kiện toàn và hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch này trong thời hạn không quá 45 ngày kể từ ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 96/2002/QĐ-BTP ngày 22 tháng 03 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành “Quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác thi hành án dân sự cấp tỉnh, huyện” hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân và Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự báo cáo về Bộ Tư pháp hoặc Bộ Công an, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao để kịp thời phối hợp giải quyết. / *th*

**KT. CHÁNH ÁN TÒA ÁN
NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**



Tô Văn Nhũ

**KT. VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM
SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Trần Công Phàn

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
CHỦ TRƯỞNG**



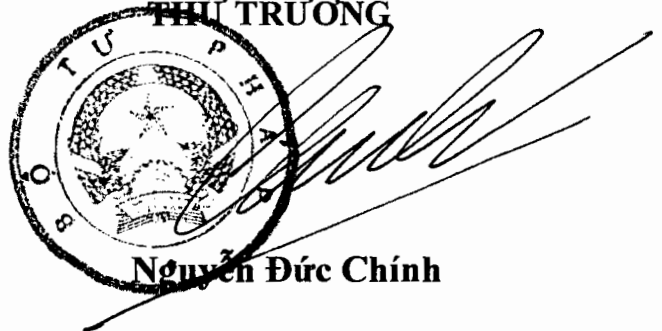
Đặng Văn Hiếu

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chính

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng BCD trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tư pháp tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ Tư pháp; Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính, TANDTC,
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng cục THADS.

Phụ lục số I

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự
tỉnh (thành phố).....**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 74/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và công chức làm công tác thi hành án dân sự;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2011/TTLT-BTP-BCA-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 11 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tỉnh (thành phố)....., gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông (bà)....., Chủ tịch (Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) - Trưởng ban;

2. Ông (bà)....., Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố) - Phó trưởng ban;

3. Ông (bà).....,Sở Tư pháp tỉnh (thành phố) - Ủy viên;

4. Ông (bà).....,Sở Tài chính tỉnh (thành phố) - Ủy viên;

5. Ông (bà).....,Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (thành phố) - Ủy viên;

6. Ông (bà).....,Công an tỉnh (thành phố) - Ủy viên;

7.;

...Ông (bà)....., tỉnh (thành phố) - Thư ký Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự.



Mời đại diện lãnh đạo Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (thành phố) tham gia họp Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự.

Điều 2. Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự tỉnh (thành phố) có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2011/TTLT-BTP-BCA-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 11 tháng 07 năm 2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Toà án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố)....., Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Thi hành án dân sự;
- Thường trực Tỉnh (Thành) uỷ;
- UBND, HĐND tỉnh (thành);
- Lưu VP, Cục THADS.

Ký tên, đóng dấu

.....

Phụ lục số II

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự
huyện (quận, thị xã, thành phố).....**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH
PHỐ).....**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 74/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và công chức làm công tác thi hành án dân sự;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2011/TTLT-BTP-BCA-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 11 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện (quận, thị xã, thành phố).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự huyện (quận, thị xã, thành phố)....., gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông (bà)....., Chủ tịch (Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố) - Trưởng ban;

2. Ông (bà)....., Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện (quận, thị xã, thành phố) - Phó trưởng ban;

3. Ông (bà)....., Phòng Tư pháp huyện (quận, thị xã, thành phố) - Ủy viên;

4. Ông (bà)....., Phòng Tài chính huyện (quận, thị xã, thành phố) - Ủy viên;

5. Ông (bà)....., Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (quận, thị xã, thành phố) - Ủy viên;

6. Ông (bà)....., Công an huyện (quận, thị xã, thành phố) - Ủy viên;

7.;

...Ông (bà)..... , huyện (quận, thị xã, thành phố) - Thư ký Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự.

Mời đại diện lãnh đạo Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện (quận, thị xã, thành phố) tham gia họp Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự.

Điều 2. Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự huyện (quận, thị xã, thành phố) có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2011/TTLT-BTP-BCA-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 11 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện (quận, thị xã, thành phố) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố);
- Thường trực Huyện (Quận, Thị, Thành) ủy;
- UBND, HĐND huyện (quận, thị xã, thành phố);
- Lưu VP, Chi cục THADS.

Ký tên, đóng dấu

.....